

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 9 - 2022.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng Quyên.
2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985;

Địa chỉ: tổ 4C, khu phố 8, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: số nhà 29, tổ 7B, khu phố 8, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Hữu S tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách vợ và chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông

S không chăm lo cho gia đình, hai vợ chồng đã ly thân với nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: bà và ông S có 03 con chung là Nguyễn Hữu Đăng K, sinh ngày 26/01/2009; Nguyễn Hữu Đăng K1, sinh ngày 10/4/2012 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/02/2014. Ly hôn, bà xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1 và cháu N, bà đồng ý giao cháu K cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn Hữu S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà L, ông S trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Về con chung: bà L và ông S 03 con chung là Nguyễn Hữu Đăng K, sinh ngày 26/01/2009; Nguyễn Hữu Đăng K1, sinh ngày 10/4/2012 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/02/2014. Ly hôn, giao cháu K1 và cháu N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Hữu S cư trú tại thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn năm 2008. Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà L khởi kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông S xảy ra từ năm 2016 đến nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, ông S không chăm lo cuộc sống gia đình, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện nay đã ly thân với nhau. Giữa hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng ông S vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ ông S không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì giữa bà L và ông S có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như bà L đã trình bày.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông S là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L, bà L được ly hôn với ông S.

Về con: bà L và ông S 03 con chung là Nguyễn Hữu Đăng K, sinh ngày 26/01/2009; Nguyễn Hữu Đăng K1, sinh ngày 10/4/2012 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/02/2014. Ly hôn bà L xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1 và cháu N, bà L đồng ý giao cháu K cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện bà L và ông S hiện nay có việc làm, có thu nhập và có chỗ ở ổn định để có thể đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện nay cháu K đang sống chung với ông S, nguyện vọng của cháu K cũng mong muốn sống chung với ông S. Cháu K1 và cháu N đang sống chung với bà L, nguyện vọng của hai cháu cũng mong muốn sống chung với bà L.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao hai con chung là cháu K1 và cháu N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Bà L, ông S được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu về ly hôn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị L được ly hôn đối với ông Nguyễn Hữu S.

- Về con: giao cháu Nguyễn Hữu Đăng K1, sinh ngày 10/4/2012 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/02/2014 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hữu Đăng K, sinh ngày 26/01/2009 cho ông Nguyễn Hữu S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà L, ông S được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004413 ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND thị trấn Vĩnh An;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại